



liáng shi

粮食

Noun · grain; cereals

Example Sentences

wǒ men měi tiān dōu yào chī liáng shí

我们每天都要吃粮食。

We need to eat grain every day.

jīn nián wǒ men guó jiā de liáng shí chǎn liàng hěn gāo

今年我们国家的粮食产量很高。

Our country's grain output is very high this year.

nóng mín bó bo zài tián lǐ zhòng liáng shí

农民伯伯在田里种粮食。

The farmer uncle grows grain in the field.

Trace each character, then write the word on your own.

粮	粮	粮	粮	粮	粮	粮	粮	粮	粮	粮
粮	粮	粮	粮	粮						
食	食	食	食	食	食	食	食	食	食	食
食										